

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 43

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 1 tháng 3 năm 2022.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý và kinh doanh các sản phẩm nhựa.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch
Ông Đinh Xuân Cường	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Thành viên
Ông Lim Heon Young	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Xuân Cường	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Phó Tổng Giám đốc
	Thường trực kiêm Giám đốc tài chính
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc

miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2022

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đinh Xuân Cường, Tổng Giám đốc.

Ông Phạm Đỗ Huy Cường, Phó Tổng Giám đốc Thường trực, được người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Giấy Ủy quyền số 051401/2020/UQ-APH ngày 14 tháng 5 năm 2020.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

## CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đề ngày 29 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Đỗ Huy Cường  
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 61515942/22963903/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) được lập ngày 29 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trịnh Hoàng Anh  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2071-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>518.810.062.897</b>	<b>464.778.753.097</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>53.722.655.843</b>	<b>86.417.051.039</b>
111	1. Tiền		53.722.655.843	26.417.051.039
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	60.000.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>463.215.448.715</b>	<b>370.394.443.908</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	37.780.547.739	144.728.760.641
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	12.148.796.860	45.813.729.972
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	297.100.000.000	141.175.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	116.186.104.116	38.676.953.295
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>		<b>1.088.824.974</b>	<b>6.684.243.633</b>
141	1. Hàng tồn kho	8	1.088.824.974	6.684.243.633
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>783.133.365</b>	<b>1.283.014.517</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		783.133.365	1.283.014.517
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.973.064.241.069</b>	<b>3.133.093.079.699</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.453.866.716</b>	<b>13.843.866.716</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	21	587.726.358	12.977.726.358
216	2. Phải thu dài hạn khác		866.140.358	866.140.358
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>4.250.337.806</b>	<b>2.911.754.572</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình		3.434.247.953	2.591.892.059
222	Nguyên giá		5.269.073.281	4.099.129.547
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.834.825.328)	(1.507.237.488)
227	2. Tài sản cố định vô hình		816.089.853	319.862.513
228	Nguyên giá		1.016.612.200	456.372.200
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(200.522.347)	(136.509.687)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>90.000.000</b>	<b>90.000.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		90.000.000	90.000.000
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>9</b>	<b>2.965.992.101.455</b>	<b>3.115.105.346.601</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.965.992.101.455	3.115.105.346.601
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.277.935.092</b>	<b>1.142.111.810</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.277.935.092	1.142.111.810
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.491.874.303.966</b>	<b>3.597.871.832.796</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>620.686.730.149</b>	<b>804.760.472.436</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>54.484.148.181</b>	<b>160.119.283.910</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		124.395.011	2.071.225.069
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		49.450.000	5.480.551.670
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	5.268.010.105	2.088.738.481
314	4. Phải trả người lao động		1.923.064.356	1.643.258.701
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	15.955.232.876	27.207.395.977
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	12	1.372.264.427	1.316.249.940
320	7. Vay ngắn hạn	13	29.791.731.406	120.311.864.072
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>566.202.581.968</b>	<b>644.641.188.526</b>
338	1. Vay dài hạn	13	566.202.581.968	644.641.188.526
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>2.871.187.573.817</b>	<b>2.793.111.360.360</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>14</b>	<b>2.871.187.573.817</b>	<b>2.793.111.360.360</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.511.991.480.000	2.024.223.220.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.438.842.680.000	1.951.074.420.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		73.148.800.000	73.148.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		169.232.179.100	657.000.439.100
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		189.963.914.717	111.887.701.260
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		111.887.701.260	47.567.217.614
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		78.076.213.457	64.320.483.646
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.491.874.303.966</b>	<b>3.597.871.832.796</b>

  
Hồ Thị Hòa  
Người lập kiêm Kế toán trưởng


  
Phạm Đỗ Huy Cường  
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	79.463.585.017	88.156.994.469
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	79.463.585.017	88.156.994.469
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	16	(59.434.458.758)	(62.170.796.082)
20	4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		20.029.126.259	25.986.198.387
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	15.2	147.525.308.381	28.015.641.013
22 23	6. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (không bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)</i>	17	(54.830.397.719) (29.140.533.466)	(33.116.246.824) (31.319.405.693)
25	7. Chi phí bán hàng		(1.624.885.298)	(193.050.000)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(20.495.532.826)	(18.118.252.371)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		90.603.618.797	2.574.290.205
31	10. Thu nhập khác		150.566.969	4.320.151
32	11. Chi phí khác		-	(1.000.000.000)
40	12. Lợi nhuận/(lỗ) khác		150.566.969	(995.679.849)
50	13. Tổng lợi nhuận trước thuế		90.754.185.766	1.578.610.356
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	(9.876.640.086)	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		80.877.545.680	1.578.610.356

  
\_\_\_\_\_  
Hồ Thị Hòe  
Người lập kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
Phạm Đỗ Huy Cường  
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>90.754.185.766</b>	<b>1.578.610.356</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	19	391.600.500	276.430.886
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(303.822.615)	17.612.055
06	Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)	17	(123.638.615.958)	(27.859.905.147)
			31.815.533.464	33.090.239.024
<b>08</b>	<b>(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(981.118.843)</b>	<b>7.102.987.174</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		60.909.978.660	(43.833.361.355)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		5.595.418.659	(11.110.360.814)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(8.898.535.434)	6.064.823.698
12	Tăng chi phí trả trước		364.057.870	305.794.619
14	Tiền lãi vay đã trả		(39.736.752.636)	(37.484.713.686)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	10	(5.500.000.000)	-
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>11.753.048.276</b>	<b>(78.954.830.364)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.197.205.211)	(860.387.200)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(448.600.000.000)	(229.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		292.675.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(244.810.430.000)	(523.164.044.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		523.976.937.059	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.941.870.604	25.339.146.912
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>129.986.172.452</b>	<b>(727.685.284.288)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	557.164.280.000
33	Tiền thu từ đi vay		27.791.731.406	516.064.461.308
34	Tiền trả nợ gốc vay		(199.425.470.628)	(334.685.027.972)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.799.040.315)	(3.258.634.615)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(174.432.779.537)	735.285.078.721
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(32.693.558.809)	(71.355.035.931)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		86.417.051.039	93.876.841.515
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(836.387)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	53.722.655.843	22.521.805.584

  
 Hồ Thị Hòa  
 Người lập kiêm Kế toán trưởng

  
 Phạm Đỗ Huy Cường  
 Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 1 tháng 3 năm 2022.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý và kinh doanh các sản phẩm nhựa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 96 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 92 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 16 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 16 công ty con) với chi tiết như sau:

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty Nhựa An Phát Xanh”) (***)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	48,70	48,70	Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa
2	Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“Công ty An Tiến”) (*)	Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	25,39	52,14	Sản xuất sản phẩm từ nhựa, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa
3	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (“Công ty An Phát Complex”) (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	44,82	92,02	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp
4	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 (“Công ty An Phát Complex 1”) (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	22,86	51,10	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
5	An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd (“Công ty An Thành Singapore”) (*)	Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore	25,39	100	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)**

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
6	Công ty Cổ phần An Thành Bicol (“Công ty An Thành”) (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	36,66	99,69	Kinh doanh hạt nhựa và các sản phẩm nhựa
7	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín (“Công ty An Tín”) (*)	Số 64.22 đường Phạm Hùng, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	25,14	99,00	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường ven biển và biển dương
8	Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Vinh (“Công ty An Vinh”) (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	47,85	98,26	Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa
9	Công ty An Phát International, Inc. (“Công ty APA”) (*)	Tòa nhà văn phòng 10701, Dãy 268, thành phố Stafford, bang Texas, Mỹ	48,70	99,99	Đầu tư, kinh doanh các sản phẩm màng mỏng và các sản phẩm nhựa khác
10	Công ty AFC EcoPlastics, LLC (“Công ty AFC”) (*)	PO Box 1831, thành phố Austin, bang Texas 78767, Mỹ	36,53	75,00	Kinh doanh hạt nhựa
11	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội (“Công ty Nhựa Hà Nội”) (*) (**)	Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội	50,77	75,10	Sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp và các loại khuôn mẫu
12	Công ty TNHH An Trung Industries (“Công ty An Trung”) (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	50,77	100	Sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm nhựa
13	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM (“Công ty VIEXIM”) (*)	Thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	50,77	100	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa
14	Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (“Công ty VMC”) (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	50,77	100	Sản xuất sản phẩm gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
15	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường (“Công ty An Cường”) (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	50,77	99,95	Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất
16	Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát (“Công ty PBAT”) (**)	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng	55,29	79,05	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)**

***Cơ cấu tổ chức*** (tiếp theo)

(\*) Công ty sở hữu các công ty con này trực tiếp và gián tiếp hoặc gián tiếp thông qua một số công ty con khác, theo đó, tỷ lệ lợi ích trong các công ty con này khác với tỷ lệ biểu quyết.

(\*\*) Trong tháng 1 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 8.500.000 cổ phiếu NHH, tương đương với 23,32% cổ phần trong Công ty Nhựa Hà Nội cho Công ty Nhựa An Phát Xanh. Trong tháng 5 năm 2022, Công ty hoàn tất việc mua thêm 4.086.416 cổ phiếu phát hành thêm của Công ty Nhựa Hà Nội. Theo đó, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong Công ty Nhựa Hà Nội sau các giao dịch này là 27,66%.

Cũng trong tháng 1 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc góp thêm 14 tỷ VND vào Công ty PBAT theo đăng ký kinh doanh mới, tổng giá trị vốn góp 120 tỷ VND. Tháng 4 năm 2022, Công ty PBAT phát hành thêm cổ phần riêng lẻ cho các nhà đầu tư, tăng vốn điều lệ lên 296 tỷ VND.

(\*\*\*) Trong tháng 3 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc thực hiện chuyển quyền sở hữu 6.694.213 cổ phiếu AAA nhằm thực hiện thanh toán một phần nợ gốc trái phiếu phát hành ngày 3 tháng 7 năm 2020 với tổng giá trị là 81 tỷ VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong Công ty Nhựa An Phát Xanh sau giao dịch này là 48,7%.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 9. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đề ngày 29 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.13 Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả nếu bắt buộc người phát hành phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó tại một thời điểm đã được xác định trong tương lai và nghĩa vụ mua lại cổ phiếu phải được ghi rõ ngay trong hồ sơ phát hành tại thời điểm phát hành cổ phiếu. Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu nếu người phát hành không có nghĩa vụ phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó.

#### 3.14 Trái phiếu hoán đổi

Trái phiếu hoán đổi, mà có thể được hoán đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định của Công ty, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền hoán đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) trừ trường hợp không có yếu tố công cụ vốn trong trái phiếu theo điều khoản hợp đồng (toàn bộ khoản trái phiếu được ghi nhận là nợ phải trả).

Trái phiếu hoán đổi, mà có thể được hoán đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông của đơn vị, khác với đơn vị phát hành (Công ty), được ghi nhận toàn bộ là nợ phải trả và trình bày trên chỉ tiêu vay và nợ dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

#### 3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu liên quan đến hoạt động tư vấn và các dịch vụ có liên quan khác được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp và kết quả hợp đồng có thể được xác định một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

#### 3.19 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo hoạt động kinh doanh dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Tiền mặt	34.550.694	411.777.694
Tiền gửi (i)	53.688.105.149	26.005.273.345
Các khoản tương đương tiền	-	60.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>53.722.655.843</u></b>	<b><u>86.417.051.039</u></b>

(i) Tiền gửi bao gồm tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính.

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**5.1 Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Công ty Sabic Asia Pacific PTE Ltd	12.332.454.408	8.424.683.550
Công ty Gulf Polymers Distribution	3.391.709.999	3.043.112.007
Công ty Cổ phần Giải Pháp và Dịch vụ phần mềm Nam Việt	3.223.500.000	3.223.500.000
Công ty Manauense Indústria e Comércio de Plásticos Ltda	-	9.951.834.000
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	-	72.000.000.000
Phải thu từ các đối tượng khác	1.935.324.100	4.885.837.700
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	16.897.559.232	43.199.793.384
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>37.780.547.739</u></b>	<b><u>144.728.760.641</u></b>

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Công ty Formosa Plastics Corporation, U.S.A	5.465.028	21.294.743.489
Công ty Quantum Polymers, Inc	-	4.542.715.227
Trả trước cho người bán khác	1.137.011.832	3.575.601.256
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 21)	11.006.320.000	16.400.670.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.148.796.860</u></b>	<b><u>45.813.729.972</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Các đối tác doanh nghiệp (i)	198.600.000.000	67.000.000.000
Đối tác doanh nghiệp số 7 (ii)	98.500.000.000	-
Cho vay bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 21</i> )	-	74.175.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>297.100.000.000</b>	<b>141.175.000.000</b>

(i) Đây là các khoản cho các đối tác doanh nghiệp vay tín chấp theo hợp đồng cho vay đáo hạn vào khoảng từ tháng 9 năm 2022 đến tháng 3 năm 2023, hưởng lãi suất từ 7%/năm đến 9%/năm.

(ii) Đây là khoản cho vay được đảm bảo bởi một số cổ phiếu của Đối tác doanh nghiệp số 5 nắm giữ bởi các cá nhân. Hợp đồng cho vay này đáo hạn vào tháng 5 năm 2023 và hưởng lãi suất 7%/năm

**7. PHẢI THU KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
<b>Ngắn hạn</b>				
Đặt cọc, ký quỹ ngắn hạn (i)	52.328.343.327	-	3.368.343.327	-
Tạm ứng cho nhân viên	31.841.078.583	-	11.004.343.513	-
Phải thu chuyển nhượng và lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư (ii)	17.329.788.153	-	16.958.567.727	-
Lãi cho vay phải thu	14.622.070.411	-	7.309.807.396	-
Phải thu khác	64.823.642	-	35.891.332	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>116.186.104.116</b>	<b>-</b>	<b>38.676.953.295</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	86.055.440.203	-	24.422.390.657	-
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	30.130.663.913	-	14.254.562.638	-
<b>Dài hạn</b>				
Ký quỹ dài hạn	866.140.358	-	866.140.358	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>866.140.358</b>	<b>-</b>	<b>866.140.358</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	866.140.358	-	866.140.358	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

- (i) Số dư cuối kỳ chủ yếu bao gồm khoản đặt cọc với giá trị 48,96 tỷ VND cho mục đích thực hiện đấu giá cổ phần Công ty Nhựa An Phát Xanh của Công ty. Khoản đặt cọc này đã được chuyển cho đại lý để thực hiện quyền đăng ký đấu giá cho Công ty vào ngày 24 tháng 6 năm 2022. Sau đó, theo Báo cáo Kết quả giao dịch cổ phiếu số 1107/2022/TB-APH ngày 11 tháng 7 năm 2022, Công ty đã hoàn thành thủ tục đấu giá mua 40.800.000 cổ phiếu AAA của Công ty Nhựa An Phát Xanh với tổng giá trị 489,6 tỷ VND.
- (ii) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 28.11/2017/HĐHT/HP-AP-BY ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa ba bên là Công ty, Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Hoàng Phương (“Công ty Hoàng Phương”) và Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Bảo Yến, Công ty đã góp vốn hợp tác đầu tư để thực hiện đóng mới, vận hành, khai thác tàu du lịch Hoàng Phương QN8589. Theo điều khoản của hợp đồng hợp tác đầu tư, Công ty nhận được phí khai thác cố định hàng tháng sau khi tàu đi vào vận hành.

Theo Hợp đồng Chuyển nhượng vốn góp số 1101/2021/HĐCNV/APH-HP ngày 11 tháng 1 năm 2021, Công ty đã đồng ý chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong hợp đồng hợp tác đầu tư ban đầu cho Công ty Hoàng Phương với tổng giá trị chuyển nhượng là 15,6 tỷ VND được thanh toán trong 6 đợt và hoàn thành trước Quý 2 năm 2022. Công ty đang thực hiện các thủ tục để thu hồi khoản phải thu này.

Khoản phải thu khác ngắn hạn nêu trên bao gồm phí chuyển nhượng và lãi phải thu từ hoạt động hợp tác trước thời điểm chuyển nhượng vốn góp.

**8. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	517.966.343	-	515.798.264	-
Chi phí sản xuất dở dang	340.673.173	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	230.185.458	-	23.093.539	-
Hàng đang đi trên đường	-	-	6.145.351.830	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.088.824.974</b>	<b>-</b>	<b>6.684.243.633</b>	<b>-</b>

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021			Đơn vị tính: VND
	Tỷ lệ nắm giữ trực tiếp	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Tỷ lệ nắm giữ trực tiếp	Giá gốc (VND)	
<b>Đầu tư vào công ty con</b>		<b>2.965.992.101.455</b>			<b>3.115.105.346.601</b>		
- Công ty Nhựa An Phát Xanh (i)	48,70%	2.441.328.548.818	-	1.796.557.552.200	50,75%	2.544.121.436.339	-
(ii)	27,66%	404.563.552.637	-	264.100.034.800	45,38%	458.258.010.262	-
- Công ty Nhựa Hà Nội (i) (ii)	40,54%	120.000.000.000	-	(iii)	92,31%	106.000.000.000	-
- Công ty PBAT	-	-	-	(iii)	1,22%	5.225.900.000	-
- Công ty An Vinh	0,02%	100.000.000	-	(iii)	0,77%	1.500.000.000	-
- Công ty An Cường							
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.965.992.101.455</b>			<b>3.115.105.346.601</b>		

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Nhựa An Phát Xanh và Công ty Nhựa Hà Nội được tính dựa trên giá cổ phiếu của các công ty này trên thị trường chứng khoán vào ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Các khoản đầu tư này được Công ty đầu tư với mục đích nắm giữ lâu dài, kết quả kinh doanh không bị lỗ, không có dấu hiệu mất vốn, do đó không trích lập dự phòng.

(ii) Một số cổ phiếu của các công ty con này đang được cầm cố cho khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 13.

(iii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đang trong quá trình thu thập dữ liệu cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	2.053.467.906	1.161.511.828	(2.378.714.931)	836.264.803
Thuế thu nhập cá nhân	35.270.575	214.972.798	(195.138.157)	55.105.216
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	9.876.640.086	(5.500.000.000)	4.376.640.086
Thuế, phí khác	-	275.797.544	(275.797.544)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.088.738.481</u></b>	<b><u>11.528.922.256</u></b>	<b><u>(8.349.650.632)</u></b>	<b><u>5.268.010.105</u></b>

**11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Lãi vay và lãi trái phiếu phải trả	15.955.232.876	26.630.794.512
Chi phí phải trả khác	-	576.601.465
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>15.955.232.876</u></b>	<b><u>27.207.395.977</u></b>

**12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Cổ tức phải trả	820.388.174	818.096.266
Phải trả ngắn hạn khác	551.876.253	498.153.674
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.372.264.427</u></b>	<b><u>1.316.249.940</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	820.388.174	818.096.266
<i>Phải trả đối tượng khác</i>	551.876.253	498.153.674

## Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 13. VAY

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)
	Tăng	Giảm
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Vay đối tượng khác (Thuyết minh số 13.1)	2.000.000.000	-
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 13.2)	68.311.864.072	(73.621.934.072)
Trái phiếu đến hạn trả	50.000.000.000	(50.000.000.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>120.311.864.072</b>	<b>(123.621.934.072)</b>
<b>Vay dài hạn</b>		
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 13.3)	378.688.534	(113.606.556)
Trái phiếu phát hành (Thuyết minh số 13.4)	644.262.499.992	(81.000.000.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>644.641.188.526</b>	<b>(81.113.606.556)</b>

#### 13.1 Vay đối tượng khác ngắn hạn

Số dư cuối kỳ bao gồm:

- ▶ Khoản vay có giá trị 2.000.000.000 VND từ Công ty Navisoft không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng vay vốn đáo hạn vào tháng 9 năm 2022 với lãi suất 8%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. VAY (tiếp theo)**

**13.2 Vay ngân hàng ngắn hạn**

Số dư cuối kỳ bao gồm các khoản vay ngắn hạn ngân hàng theo các Hợp đồng vay vốn đáo hạn từ tháng 7 đến tháng 12 năm 2022 với lãi suất từ 6,0%/năm đến 6,2%/năm. Trong đó, bao gồm một khoản vay với số dư là 22,8 tỷ VND có tài sản đảm bảo là một số cổ phiếu AAA – Công ty Nhựa An Phát Xanh và khoản vay với số dư là 4,9 tỷ VND có tài sản đảm bảo là một số cổ phiếu của Công ty.

**13.3 Vay ngân hàng dài hạn**

Số dư cuối kỳ bao gồm một khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng vay vốn đáo hạn lần cuối vào tháng 07 năm 2023, với lãi suất 9,56%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là 3 xe ô tô có giá trị còn lại là 895 triệu VND.

**13.4 Trái phiếu phát hành**

Số dư cuối kỳ gồm:

- (i) Trái phiếu hoán đổi có giá trị 124 tỷ VND được phát hành theo mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu cho các đối tác vào tháng 7 năm 2020 với thời hạn 3 năm, đáo hạn vào tháng 7 năm 2023. Trái phiếu này có lãi suất cố định 8%/năm và được thế chấp bởi tài sản đảm bảo là một số cổ phiếu của Công ty Nhựa An Phát Xanh và một số cổ phiếu của Công ty Nhựa Hà Nội. Theo điều khoản của trái phiếu hoán đổi này, các trái chủ có quyền, vào bất cứ lúc nào trong khoảng thời gian từ ngày 3 tháng 7 năm 2021 đến ngày đáo hạn của trái phiếu, hoán đổi tất cả hoặc bất kỳ trái phiếu theo cách thức được quy định trong hợp đồng thành cổ phần phổ thông của AAA hoặc của NHH, với điều kiện là khi hoán đổi tất cả các trái phiếu thành cổ phần hoán đổi, tỷ lệ hoán đổi tối đa của cổ phần phổ thông của AAA hoặc NHH không được vượt quá 75% tiền gốc của trái phiếu.

Ban Tổng Giám Đốc đánh giá rằng không có yếu tố công cụ vốn trong trái phiếu trên do cổ phiếu có thể được hoán đổi là cổ phiếu của công ty con và trái chủ có quyền yêu cầu thanh toán khoản gốc trái phiếu bằng tiền, do đó, đã ghi nhận toàn bộ các khoản trái phiếu này là nợ phải trả thuộc khoản mục vay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

- (ii) Trái phiếu thường có giá trị 450 tỷ VND được phát hành theo mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu cho các đối tác vào tháng 3 năm 2021 với thời hạn 3 năm, đáo hạn vào tháng 4 năm 2024. Trái phiếu này có lãi suất cố định 9%/năm trong 2 năm đầu và 9,5%/năm trong năm cuối và được thế chấp bởi tài sản đảm bảo là một số cổ phiếu của Công ty được sở hữu bởi một đối tác doanh nghiệp, một số cổ phiếu Công ty Nhựa An Phát Xanh và một số cổ phiếu Công ty Nhựa Hà Nội được sở hữu bởi Công ty.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 14.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>				
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.466.773.390.000	657.285.989.100	47.567.217.614	2.171.626.596.714
- Tăng vốn trong kỳ	557.449.830.000	(285.550.000)	-	557.164.280.000
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	1.578.610.356	1.578.610.356
- Chia cổ tức cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi	-	-	(2.391.908.646)	(2.391.908.646)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<b>2.024.223.220.000</b>	<b>657.000.439.100</b>	<b>46.753.919.324</b>	<b>2.727.977.578.424</b>
<b>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>				
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2022	2.024.223.220.000	657.000.439.100	111.887.701.260	2.793.111.360.360
- Tăng vốn trong kỳ (i)	487.768.260.000	(487.768.260.000)	-	-
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	80.877.545.680	80.877.545.680
- Chia cổ tức cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi	-	-	(2.801.332.223)	(2.801.332.223)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	<b>2.511.991.480.000</b>	<b>169.232.179.100</b>	<b>189.963.914.717</b>	<b>2.871.187.573.817</b>

(i) Theo Nghị quyết số 23/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng quản trị và Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 34/2021/GCNC-P-VSD-4 ngày 4 tháng 3 năm 2022 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty đã phát hành thêm tổng cộng 48.776.826 cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn Thặng dư vốn cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền là 100:25. Theo đó, vốn cổ phần đã phát hành của Công ty tăng thêm trong kỳ với số tiền là 487,8 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**14.2 Cổ tức**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
<b>Cổ tức đã công bố trong kỳ</b>		
<i>Cổ tức đã chia cho cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi</i>	2.801.332.223	2.391.908.646

**14.3 Cổ phần**

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</u>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị (VND)</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị (VND)</i>
<b>Cổ phần đăng ký phát hành</b>				
<i>Cổ phần phổ thông</i>	243.884.268	2.438.842.680.000	195.107.442	1.951.074.420.000
<i>Cổ phần ưu đãi (*)</i>	7.314.880	73.148.800.000	7.314.880	73.148.800.000
<b>Cổ phần đã bán ra công chúng</b>				
<i>Cổ phần phổ thông</i>	243.884.268	2.438.842.680.000	195.107.442	1.951.074.420.000
<i>Cổ phần ưu đãi (*)</i>	7.314.880	73.148.800.000	7.314.880	73.148.800.000
<b>Cổ phần đang lưu hành</b>				
<i>Cổ phần phổ thông</i>	243.884.268	2.438.842.680.000	195.107.442	1.951.074.420.000
<i>Cổ phần ưu đãi (*)</i>	7.314.880	73.148.800.000	7.314.880	73.148.800.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 10.000 VND/cổ phần).

Theo Hợp đồng mua cổ phần ưu đãi ngày 31 tháng 1 năm 2018, Công ty KB đã mua 14.114.880 cổ phần ưu đãi cổ tức với tổng số tiền là 352.872.000.000 VND, trong đó số tiền 141.148.800.000 VND đã được ghi nhận vào vốn cổ phần đã góp theo mệnh giá cổ phiếu ưu đãi và phần còn lại với số tiền là 211.723.200.000 VND đã được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Cổ phần ưu đãi cổ tức này có mức cổ tức phải trả tương đương với 3%/năm của giá phát hành ban đầu. Cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền hoán đổi sang cổ phần phổ thông của Công ty theo quyền chọn của KB bất cứ lúc nào trong khoảng thời gian (i) bắt đầu từ ngày đầu tiên của kỳ hạn ba mươi (30) tháng kể từ ngày phát hành hoặc vào ngày kết thúc một đợt phát hành cổ phần phổ thông lần đầu ra công chúng (IPO), tùy theo thời điểm nào đến sớm hơn, và (ii) ngày cuối cùng của thời hạn năm (5) năm kể từ ngày phát hành và một số quyền chọn khác của KB được quy định trong Hợp đồng mua cổ phần ưu đãi và Hợp đồng quyền chọn ngày 31 tháng 1 năm 2018.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**15. DOANH THU**

**15.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>79.463.585.017</b>	<b>88.156.994.469</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>63.351.771.887</i>	<i>61.213.538.522</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>16.111.813.130</i>	<i>26.943.455.947</i>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>79.463.585.017</b>	<b>88.156.994.469</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>53.262.853.556</i>	<i>9.446.605.947</i>
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 21)</i>	<i>26.200.731.461</i>	<i>78.710.388.522</i>

**15.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	129.363.242.375	-
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	16.254.133.619	5.172.923.521
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.536.711.961	155.353.666
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	22.315.761.200
Doanh thu hoạt động tài chính khác	371.220.426	371.602.626
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>147.525.308.381</b>	<b>28.015.641.013</b>

**16. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Giá vốn hàng bán	59.028.289.986	60.314.132.647
Giá vốn cung cấp dịch vụ	406.168.772	1.856.663.435
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>59.434.458.758</b>	<b>62.170.796.082</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí lãi vay	29.140.533.466	31.319.405.693
Lỗ từ hoán đổi trái phiếu	22.349.980.462	-
Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	2.674.999.998	1.770.833.331
Lỗ chênh lệch tỷ giá	664.883.793	26.007.800
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>54.830.397.719</u></b>	<b><u>33.116.246.824</u></b>

**18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí nhân viên quản lý	11.040.885.918	9.599.466.566
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.872.987.907	6.424.727.560
Chi phí khấu hao và hao mòn	391.600.500	276.430.886
Chi phí bằng tiền khác	2.190.058.501	1.817.627.359
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>20.495.532.826</u></b>	<b><u>18.118.252.371</u></b>

**19. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí nhân viên	11.447.054.690	11.456.130.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.786.598.711	6.617.777.560
Chi phí khấu hao và hao mòn	391.600.500	276.430.886
Chi phí bằng tiền khác	2.239.371.368	1.817.627.359
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>22.864.625.269</u></b>	<b><u>20.167.965.806</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 20.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>90.754.185.766</b>	<b>1.578.610.356</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	18.150.837.153	315.722.071
<i>Điều chỉnh cho:</i>		
Các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ	190.089.088	82.190.976
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận	-	575.774.954
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 132	(3.657.439.553)	3.489.464.239
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN	(74.244.085)	(4.463.152.240)
Chuyển lỗ năm trước	(4.108.457.180)	-
Khác	(624.145.337)	-
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>9.876.640.086</b>	<b>-</b>

### 20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**20.3 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Năm/giai đoạn tài chính phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế (*)</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 30/06/2022</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/06/2022</i>
2018	2023	24.436.143.629	(24.436.143.629)	-	-
2019	2024	3.823.735.471	(3.823.735.471)	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>28.259.879.100</b>	<b>(28.259.879.100)</b>	-	-

(\*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương kiểm tra vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

**Chi phí lãi vay vượt mức quy định theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP**

Theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP, chi phí lãi vay không được khấu trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục trong vòng 5 năm kể từ năm tiếp sau phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Chi tiết như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển đến năm</i>	<i>Chi phí lãi vay không được khấu trừ</i>	<i>Đã chuyển đến ngày 30/06/2022</i>	<i>Không được chuyển</i>	<i>Chưa chuyển tại ngày 30/06/2022</i>
2018	2023	1.286.137.196	(1.286.137.196)	-	-
2019	2024	9.089.540.057	(9.089.540.057)	-	-
2020	2025	14.030.540.484	(7.911.520.512)	-	6.119.019.972
2021	2026	15.336.672.508	-	-	15.336.672.508
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>39.742.890.245</b>	<b>(18.287.197.765)</b>	-	<b>21.455.692.480</b>

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với chi phí lãi vay không được trừ nêu trên do Công ty không chắc chắn được tổng chi phí lãi vay phát sinh của kỳ tiếp theo thấp hơn mức quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên có liên quan của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 được trình bày tại mục (VII) trong Báo cáo tình hình quản trị số 280701/2022/BC-ANPHAT theo các quy định pháp luật và đã được công bố thông tin đại chúng ngày 28 tháng 7 năm 2022.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Công ty Nhựa An Phát Xanh	Công ty con	Chuyển nhượng cổ phần Góp vốn	370.134.030.000 -	- 452.964.044.000
Công ty An Thành	Công ty con	Cho vay Thu hồi gốc cho vay Đi vay Trả gốc vay Chi phí lãi vay	- - - - -	51.000.000.000 51.000.000.000 1.600.000.000 33.955.000.000 401.919.932
Công ty An Phát Complex 1	Công ty con	Đi vay Trả gốc vay Cung cấp dịch vụ	- - -	11.900.000.000 87.950.000.000 17.500.000.000
Công ty Nhựa Hà Nội	Công ty con	Góp vốn Chuyển nhượng cổ phần Cổ tức được chia	181.850.430.000 1.400.000.000 -	- - 19.003.367.000
Công ty An Cường	Công ty con	Cho vay Nhận lại gốc cho vay Bán hàng hóa	60.000.000.000 60.000.000.000 -	17.000.000.000 - 61.205.708.522
Công ty Cổ phần Nhựa Bao Bì Vinh	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	-	3.312.394.200
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Thu hồi tiền vay Cho vay	59.750.000.000 -	- 102.000.000.000
Công ty APA	Công ty con	Doanh thu bán hàng Mua hàng hóa dịch vụ	11.108.641.876 4.198.487.055	- -
Công ty Ankor Bioplastics	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Doanh thu bán hàng	15.083.735.040	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Công ty PBAT	Công ty con	Góp vốn	14.000.000.000	70.200.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết của công ty con	Nhận tiền vay Trả tiền vay	- -	3.000.000.000 5.000.000.000
Công ty An Trung	Công ty con	Nhận lại gốc cho vay	11.425.000.000	-
Công ty An Phát Complex	Công ty con	Cho vay Nhận lại gốc cho vay Lãi cho vay	194.000.000.000 194.000.000.000 1.834.575.342	- - -
Công ty VMC	Công ty con	Nhận lại gốc cho vay Cho vay Nhận tiền vay Trả tiền vay	13.400.000.000 10.400.000.000 - -	- - 3.000.000.000 3.000.000.000
Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	14.197.020.101	4.968.269.580
Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	3.328.000.000	-

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan*

Công ty mua và bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, cho vay và đi vay với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 không cần bảo đảm không có lãi suất (ngoại trừ các khoản phải thu về cho vay và đi vay có lãi suất) và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại Ngày 31 tháng 12 năm 2021: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>31 tháng 12 năm 2021</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)</i></b>				
Công ty APA	Công ty con	Phải thu bán hàng hóa	1.669.069.632	17.540.021.203
Công ty Ankor Bioplastics	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Phải thu bán hàng hóa	15.228.489.600	-
Công ty An Thành	Công ty con	Phải thu bán hàng hóa	-	25.659.772.181
			<b>16.897.559.232</b>	<b>43.199.793.384</b>
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)</i></b>				
Công ty Ankor Bioplastics	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Trả trước tiền hàng	11.006.320.000	5.696.250.000
Công ty An Thành Singapore	Công ty con	Trả trước tiền hàng	-	10.704.420.000
			<b>11.006.320.000</b>	<b>16.400.670.000</b>
<b><i>Phải thu cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)</i></b>				
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	59.750.000.000
Công ty An Trung	Công ty con	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	11.425.000.000
Công ty VMC	Công ty con	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	3.000.000.000
			<b>-</b>	<b>74.175.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:  
(tiếp theo)

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>31 tháng 12 năm 2021</i>
<b><i>Phải thu khác ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</i></b>				
Công ty Ankor Bioplastics	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt	Đặt cọc	3.260.958.327	3.260.958.327
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	20.017.374.478	5.820.354.377
Ông Phạm Ánh Dương	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	3.328.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	1.620.532.283	685.732.283
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	1.027.001.602	849.001.602
Ông Đinh Xuân Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Tạm ứng	581.904.896	7.612.762
Bên liên quan khác		Lãi vay	294.892.327	3.630.903.287
			<b>30.130.663.913</b>	<b>14.254.562.638</b>
<b><i>Phải thu dài hạn của khách hàng</i></b>				
Công ty An Cường	Công ty con	Phải thu mua hàng hóa	587.726.358	12.977.726.358
			<b>587.726.358</b>	<b>12.977.726.358</b>
<b><i>Phải trả khác ngắn hạn (Thuyết minh số 12)</i></b>				
Công ty KB	Cổ đông	Cổ tức phải trả	820.388.174	818.096.266
			<b>820.388.174</b>	<b>818.096.266</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) và Ban Tổng Giám đốc:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập	
		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	90.000.000	90.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Chủ tịch HĐQT (đã miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021)	-	60.000.000
Ông Đinh Xuân Cường	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	342.838.000	381.661.498
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực	299.912.000	316.009.519
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	349.582.202	327.434.949
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	60.000.000	-
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên HĐQT	60.000.000	-
Ông Lim Heon Young	Thành viên HĐQT	60.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2022)	189.732.489	176.572.482
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.512.064.691</b>	<b>1.411.678.448</b>

**22. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau bao gồm các bộ phận kinh doanh; cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và bán hàng hóa nguyên vật liệu phục vụ sản xuất sản phẩm về nhựa.

Công ty theo dõi hoạt động một cách riêng biệt cho từng bộ phận cho mục đích ra quyết định phân bổ nguồn lực và đánh giá kết quả hoạt động. Kết quả hoạt động của từng bộ phận được đánh giá dựa trên lãi lỗ và được xác định một cách nhất quán với lãi lỗ của Công ty trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tuy nhiên, hoạt động tài chính của Công ty (bao gồm chi phí tài chính và doanh thu tài chính) được theo dõi trên cơ sở tập trung và không phân bổ cho từng bộ phận.

Ban Tổng Giám đốc cũng xác định hoạt động kinh doanh tạo ra doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 22. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

#### 22.1 Thông tin theo bộ phận vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Cung cấp dịch vụ VND	Bán hàng hóa VND	Điều chỉnh và loại trừ VND	Tổng cộng VND
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	16.111.813.130	63.351.771.887	-	79.463.585.017
Tổng doanh thu	16.111.813.130	63.351.771.887	-	79.463.585.017
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Khấu hao và hao mòn	307.069.720	84.530.780	-	391.600.500
Lô trước thuế theo bộ phận	(365.728.169)	(1.725.563.696)	-	(2.091.291.865)
Thu nhập trước thuế không phân bổ	-	-	-	92.845.477.631
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>				
Chi phí mua sắm TSCĐ và xây dựng cơ bản tăng trong kỳ	1.722.917.075	474.288.136	-	2.197.205.211
Tài sản bộ phận	23.896.692.183	34.020.610.011	-	57.917.302.194
Tài sản không phân bổ	-	-	-	3.433.957.001.772
Tổng tài sản tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	1.507.952.192	588.957.175	-	2.096.909.367
Tổng nợ phải trả theo bộ phận	-	-	-	618.589.820.782
Tổng nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	620.686.730.149
Tổng nợ phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

**22.2 Thông tin theo bộ phận vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày**

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Cung cấp dịch vụ VND	Bán hàng hóa VND	Điều chỉnh và loại trừ VND	Tổng cộng VND
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	26.943.455.947	61.213.538.522	-	88.156.994.469
Tổng doanh thu	26.943.455.947	61.213.538.522	-	88.156.994.469
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Khấu hao và hao mòn	266.863.363	9.567.523	-	276.430.886
Thu nhập trước thuế theo bộ phận	7.595.629.275	79.266.742	-	7.674.896.017
Chi phí trước thuế không phân bổ	-	-	-	(6.096.285.661)
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>				
Chi phí mua sắm TSCĐ và xây dựng cơ bản tăng trong kỳ	830.608.419	29.778.781	-	860.387.200
Tài sản bộ phận	38.132.124.473	38.503.222.035	-	76.635.346.508
Tài sản không phân bổ	-	-	-	3.504.397.501.264
Tổng tài sản tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	1.648.928.823	11.363.789.358	-	3.581.032.847.772
Tổng nợ phải trả theo bộ phận	-	-	-	13.012.718.181
Tổng nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	840.042.551.167
Tổng nợ phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	-	-	-	853.055.269.348

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết về thuê hoạt động***

Công ty đã thuê văn phòng và ô tô theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, số tiền cam kết thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động ước tính như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Đến 1 năm	2.603.475.857	3.585.627.256
Từ 1 đến 5 năm	4.603.954.278	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.207.430.135</b>	<b>3.585.627.256</b>

***Cam kết khác***

Công ty cam kết liên đới bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho tất cả và bất kỳ nghĩa vụ nào của Công ty An Phát Complex phát sinh theo Hợp đồng tín dụng hợp vốn, trong đó bên cho vay là Ngân hàng Industrial And Commercial Bank of China Limited – Chi nhánh Thành phố Hà Nội và Ngân hàng Keb Hana – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã thế chấp một số cổ phiếu AAA của Công ty Nhựa An Phát Xanh và một số cổ phiếu NHH của Công ty Nhựa Hà Nội, được nắm giữ bởi Công ty, cho các khoản vay ngân hàng và các khoản trái phiếu phát hành bởi Công ty Nhựa An Phát Xanh cho Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam, Tập đoàn Shinhan Investment, Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh và Ngân hàng Keb Hana – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.

**24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<i>KHOẢN MỤC</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
Ngoại tệ các loại		
Yên Nhật (JPY)	81.000	81.000
Đô la Mỹ (USD)	185.454,22	282.233,38
Dirham (DIR)	1.680	1.680

**25. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG KỲ**

***Đại dịch Covid-19***

Đại dịch Covid-19 đang tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế và hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Trong tháng 7 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc mua thêm 40.800.000 cổ phiếu AAA của Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh với giá mua 12.000 đồng/cổ phiếu. Sau giao dịch, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong Công ty Nhựa An Phát Xanh là 52,26%.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2022 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

  
\_\_\_\_\_  
Hồ Thị Hòe  
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 8 năm 2022

  
\_\_\_\_\_  
Phạm Đỗ Huy Cường  
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

